

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN HẢI NGỌC

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP
PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH
THEO LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2014**

Chuyên ngành: LUẬT KINH TẾ

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Văn Luyện

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của mình và không trùng lặp với bất cứ công trình nào của các tác giả khác. Các tài liệu và số liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn chính xác.

Luận văn này được thực hiện một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Văn Luyện

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Hải Ngọc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH	8
1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành	8
1.2 Nội dung của việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành	21
1.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành	23
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2014 VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....	27
2.1 Về trình tự, thủ tục công khai thông tin của Doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành án	27
2.2 Thực tiễn áp dụng quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành từ ngày 01/7/2015 đến 30/6/2016	31
Chương 3 GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH.....	50
3.1 Phương hướng hoàn thiện thể chế về thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án	50
3.2 Về tổ chức thực hiện	52
3.3 Các giải pháp thực hiện.....	56
KẾT LUẬN.....	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	63

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền hành chính công tại nước ta hiện nay thì thuật ngữ công khai và minh bạch đang được tiếp nhận như một chủ trương lớn trong quy trình quản lý. Điều này được thể hiện rất rõ trong Hiến pháp năm 2013 và quá trình xây dựng luật pháp, thực thi luật pháp và xây dựng thể chế kinh tế trong thời gian gần đây. Cụ thể, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005, Luật Quản lý thuế năm 2012, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2014, ... đã có những quy định rất rõ ràng về những loại việc, những nội dung phải công khai trong từng lĩnh vực quản lý không chỉ với cơ quan nhà nước mà còn công khai thông tin đối với tổ chức, cá nhân trong một số điều kiện cụ thể, nhằm hướng tới công khai và minh bạch trong mọi khâu quản lý. Có thể nói vấn đề công khai thông tin là một xu hướng chung, tất yếu trong quá trình hội nhập, phát triển và luôn dành được sự quan tâm của toàn xã hội.

Hoạt động thi hành án là khâu cuối cùng trong quá trình tiến hành tố tụng của các cơ quan tư pháp. Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân Nhà nước khi được chấp hành nghiêm chỉnh có tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật. Vì vậy, hoạt động thi hành án có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế. Hiến pháp 2013 khẳng định: “Bản án và quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành” [12, tr.58]. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác này, trong

tiến trình cải cách tư pháp Đảng và Nhà nước ta đã đề ra mục tiêu trong những năm tới đây là phải: “Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thi hành án dân sự, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án, giải quyết căn bản tình trạng án tồn đọng”. Một trong những giải pháp để nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự là hoàn thiện các quy định pháp luật. Ngày 25/11/2014, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự (Luật Thi hành án dân sự năm 2014). Theo đó, đã bổ sung một quy định rất mới đó là công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a). Quy định này đã được cụ thể hóa tại Điều 11 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, Chương II của Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp. Quy định này phần nào đã góp phần minh bạch hoá quá trình thi hành án, một mặt giúp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, nâng cao ý thức tự giác, tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án; mặt khác, quy định này cũng là cơ sở để cơ quan thi hành án dân sự theo dõi tình trạng tài sản của người phải thi hành án phục vụ cho việc thi hành án dân sự, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của chấp hành viên, làm cơ sở phục vụ việc quản lý việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành của cơ quan quản lý thi hành án dân sự (Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp). Thời gian qua, mặc dù công tác thi hành án dân sự đã đạt được một số kết quả khả quan, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của Đảng, của Chính phủ và của người dân. Lý do xuất phát từ tính chất của công tác thi hành án dân sự luôn luôn phải phụ thuộc vào điều kiện thi hành và ý thức chấp hành pháp luật của người phải thi hành án.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì các tranh chấp về kinh tế mà trong đó có liên quan đến doanh

nghiệp ngày một gia tăng. Do đó, số vụ việc thi hành án dân sự liên quan đến các doanh nghiệp cũng theo đó tăng lên. Mặc dù các cơ quan thi hành án dân sự đã thực hiện nhiều giải pháp nhưng tình trạng án tồn đọng liên quan đến các doanh nghiệp vẫn còn cao. Thực tế cho thấy, cơ quan thi hành án đã tổ chức cưỡng chế bằng việc áp dụng các biện pháp khác nhau như khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá; kê biên, xử lý tài sản... nhưng việc thi hành án đối với các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn. Theo báo cáo thống kê từ 01/7/2015 đến hết 30/6/2016 của Tổng cục Thi hành án dân sự), cơ quan thi hành án phải thi hành 687.671 việc, với số tiền tương ứng khoảng 131.606 tỷ đồng; trong đó, số việc chưa có điều kiện thi hành là 116.293 việc (chiếm 16,91% số việc thụ lý), với số tiền là 26.003 tỷ đồng (chiếm 19,75% tổng số tiền thụ lý). Trong số 116.293 việc chưa có điều kiện thi hành có 12.409 việc chưa có điều kiện thi hành có người phải thi hành án là doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 10,67% với số việc chưa có điều kiện thi hành, tương ứng với số tiền là 10.921 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 42% số tiền chưa có điều kiện thi hành.

Để nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự thì việc giảm thiểu số việc tồn đọng liên quan đến doanh nghiệp bằng cách công khai thông tin - gia tăng sức ép đối với các doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành, là một giải pháp quan trọng, có tính chất quyết định. Tuy nhiên, việc công khai thông tin của doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành bên cạnh ý nghĩa nâng cao ý thức tự giác chấp hành bản án, quyết định của doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp phải lựa chọn giữ uy tín của mình đối với bạn hàng, đối tác hay tiếp tục chây ỳ nghĩa vụ của mình đối với người được thi hành án, thì còn có trách nhiệm của cơ quan thi hành án, chấp hành viên khi thực hiện công khai thông tin của doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành có công khai, minh

bạch hay không? Quy trình có đảm bảo, chặt chẽ, chính xác hay không? Có thể dẫn tới lạm quyền trong công tác này hay không?

Như vậy, làm thế nào để vận dụng quy định của pháp luật về việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là doanh nghiệp vào thực tiễn để đảm bảo thi hành án, đồng thời cũng không vi phạm quyền tự do kinh doanh của đối tượng này? Đây là lý do tác giả lựa chọn đề tài: “*Công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo Luật Thi hành án dân sự năm 2014*” là đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thời gian qua có nhiều công trình đã nghiên cứu về Thi hành án dân sự như: Luận án tiến sĩ luật học “Hoàn thiện pháp luật Thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Thanh Thủy (bảo vệ năm 2008 tại Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh); Luận án tiến sĩ luật học “Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động Thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Quang Thái (bảo vệ năm 2008 tại Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh); Luận văn thạc sỹ luật học “Pháp luật về xử lý tài sản thế chấp trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng” của Lâm Minh Đức (bảo vệ năm 2009 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh); “Cơ sở pháp lý để xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi nợ cho các ngân hàng thương mại” của Vũ Thị Kim Oanh (bảo vệ năm 2009 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “Những điểm mới của Luật Thi hành án dân sự 2008”, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2010... ngoài ra, còn có một số đề tài nghiên cứu sâu hơn về các giải pháp cưỡng chế, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự như: Đề tài: “Cưỡng chế thi hành án dân sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn” khoá luận tốt nghiệp của tác giả Dương Thu Hương, năm 2010; Đề tài: “Biện pháp cưỡng chế, kê biên

tài sản trong thi hành án dân sự” luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thanh Phong, năm 2011; Đề tài: “Cường chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” khoá luận tốt nghiệp của tác giả Trương Minh Anh, năm 2012.

Liên quan đến thi hành án dân sự đối với doanh nghiệp, có các bài viết, như: “Thi hành án đối với cơ quan, doanh nghiệp nhà nước” của tác giả Nguyễn Quang Thái, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 3/2003, [23, tr. 73-73]; “Mấy ý kiến về dự thảo Bộ luật Thi hành án dân sự” phần THADS và kinh tế - thương mại của tác giả Nguyễn Trung Tín, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số tháng 4/2006, [24, tr. 61- 65]; “Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án dân sự và một số khuyến nghị” của tác giả Trần Công Thịnh đăng trên tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2008...

Các nghiên cứu khoa học trên đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về thi hành án dân sự. Tuy nhiên, theo hiểu biết của tác giả, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống về việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, trong đó có doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành do đây là một nội dung mới của Luật Thi hành án dân sự. Mặc dù là một vấn đề mới được đặt ra trong Luật Thi hành án dân sự năm 2014, tuy nhiên, trong bối cảnh cần đẩy nhanh quá trình thi hành án nhưng vẫn đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, luận văn sẽ góp phần đưa quy định này vào thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận, pháp lý và phân tích quy định công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, tác giả luận văn đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi vấn đề này trong thực tiễn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Thông tin là một khái niệm trừu tượng và rất rộng như: thông tin là điều mà người ta đánh giá hoặc nói đến, là tri thức, tin tức, thông tin là điều người ta biết, là sự chuyển giao tri thức nhằm tăng lên hiểu biết của con người, thông tin định danh của một chủ thể nhất định.... do đó, trong khuôn khổ nghiên cứu luận văn thạc sỹ của mình, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về đề tài “Công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo Luật Thi hành án dân sự năm 2014” tác giả chỉ đề cập đến quy định của pháp luật Việt Nam về “thông tin” theo cách hiểu là sự định danh, xác định danh tính của một chủ thể nhất định và dựa trên cơ sở quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật, trọng tâm từ khi Luật Thi hành án dân sự năm 2014 có hiệu lực đến nay.

Đối với số liệu thống kê, luận văn giới hạn số liệu thống kê trong giai đoạn 01/7/2015, là thời điểm Luật Thi hành án dân sự năm 2014 có hiệu lực và các cơ quan thi hành án dân sự phải tiến hành công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (trong đó có người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là doanh nghiệp).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về pháp luật THADS, pháp luật doanh nghiệp và Chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu của luận văn được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng phương pháp duy vật biện chứng của triết học Mác - Lênin theo quan điểm phát triển, toàn diện, lịch sử, cụ thể; kết hợp các phương pháp như: Logic, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, phỏng vấn chuyên gia, để giải quyết những vấn đề đặt ra của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu cơ bản, có hệ thống về việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Các kiến nghị của tác giả luận văn nếu được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu sẽ góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cũng như đưa quy định này của Luật vào thực tiễn.

Luận văn còn là tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên và những người làm công tác thực tiễn liên quan đến lĩnh vực THADS.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề chung về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Chương 2: Quy định của pháp luật về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN
CỦA DOANH NGHIỆP PHẢI THI HÀNH ÁN
CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1.1.1 Khái niệm “công khai thông tin doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành”

a. Khái niệm về người phải thi hành án

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành.[14, tr.10]. Đồng thời, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự quy định những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm:

“Điều 2. Bản án, quyết định được thi hành

Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm:

1. Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật:

a) Bản án, quyết định hoặc phân bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;

b) Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm;

c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án;

d) Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

đ) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh mà sau 30 ngày, kể từ ngày có hiệu lực pháp luật đương sự không tự nguyện thi hành, không khởi kiện tại Tòa án;

e) Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

g) Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.”

2. Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị:

a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần, nhận người lao động trở lại làm việc;

b) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.” [14, tr.8-10]

Như vậy, theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có thể là doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, quyết định xử lý vụ việc của Hội đồng xử lý cạnh tranh, phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại và đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra Quyết định thi hành án.

b. Khái niệm “người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành”

+ Quan niệm “chưa có điều kiện thi hành án”: “Điều kiện” theo Từ điển bách khoa Việt Nam [17, tr 126] là một danh từ có nghĩa là: (i) cái cần phải có để cho một cái khác có thể hoặc có thể xảy ra; (ii) điều nêu ra như một đòi hỏi trước khi thực hiện một điều nào đó; (iii) những gì có thể tác động đến tính chất, sự tồn tại hoặc sự xảy ra của một cái gì đó.

Theo đó, thuật ngữ “điều kiện thi hành án” được hiểu là cái cần phải có để có thể thực hiện nghĩa vụ thi hành án đã được tuyên trong bản án, quyết

định của Tòa án. Thuật ngữ “chưa có điều kiện thi hành” có thể hiểu là: chưa đủ khả năng hoặc điều kiện cần thiết để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

+ Quan niệm “việc thi hành án dân sự”

Việc sử dụng thuật ngữ *Án dân sự* hay *Việc thi hành án dân sự* là vấn đề tiên quyết nhằm xác định phạm vi công việc cơ quan Thi hành án dân sự chưa hoàn thành tại các thời điểm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền. Việc sử dụng không thống nhất thuật ngữ này dẫn đến sự hiểu khác nhau về công việc cơ quan Thi hành án dân sự phải đảm nhận, từ đó dẫn đến hiểu không đúng về số lượng công việc cơ quan Thi hành án dân sự phải thực hiện trong mỗi kỳ báo cáo và số lượng công việc cơ quan Thi hành án dân sự đã hoàn thành, chưa hoàn thành. Bên cạnh đó, việc không xác định đúng thuật ngữ này sẽ dẫn đến sự mâu thuẫn, trong số liệu báo cáo của cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trước các cơ quan có thẩm quyền. Ví dụ: cơ quan Thi hành án dân sự báo cáo mỗi năm thi hành trên 600 nghìn việc (án dân sự theo cách hiểu hiện nay), nhưng Tòa án lại báo cáo mỗi năm xét xử trên 200 nghìn vụ án. Vậy, vấn đề đặt ra là Tòa án chỉ xét xử trên 200 nghìn vụ án thì cơ quan Thi hành án dân sự lấy đâu ra số án lớn như vậy để thi hành. Do đó, có thể thấy việc sử dụng thuật ngữ *Việc thi hành án dân sự* hay *Án dân sự* trong thi hành án dân sự có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Theo qui định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự, thì *Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự có thể ra một hoặc nhiều quyết định thi hành án đối với một bản án, quyết định được thi hành.*[7, tr.7]. Mặt khác, theo qui định tại khoản 9, Điều 3 của Luật Thi hành án dân sự, thì : *“Mỗi quyết định thi hành án là một việc thi hành án”*. [14, tr.11]. Vì vậy, khi thống kê kết quả thi hành án dân sự theo quy định tại phần 1, mục I, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/BTP ngày

26/6/2015 của Bộ Tư pháp thì đơn vị tính trong báo cáo được quy định là: Việc và 1.000 đồng (đơn vị tính theo giá trị).

Do đó, về nguyên tắc, một bản án, quyết định, căn cứ vào tình hình thực tế Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự có thể ra một hay nhiều quyết định thi hành án dân sự. Nhưng ít nhất phải có 02 quyết định thi hành án, trong đó 01 quyết định để thi hành phần chủ động về án phí, tiền phạt..., 01 quyết định để thi hành phần nghĩa vụ theo yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án. Sau khi ra quyết định thi hành án, cơ quan Thi hành án dân sự vào sổ thụ lý và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành. Như vậy, căn cứ để Chấp hành viên tổ chức thi hành án là quyết định thi hành án. Bản án, quyết định được đưa ra thi hành đã chuyển hóa thành Việc thi hành án dân sự, nên trong thi hành án dân sự chỉ có khái niệm “Việc thi hành án dân sự”, mỗi một quyết định thi hành án dân sự là một việc thi hành án dân sự mà không có khái niệm “Án dân sự”.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án để làm căn cứ tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó. Như vậy, các quyền, nghĩa vụ phải thực hiện luôn gắn liền với mỗi một quyết định thi hành án dân sự. Về nội dung các quyền nghĩa vụ trong mỗi bản án, quyết định, hầu hết là các quyền, nghĩa vụ về tài sản và các quyền, nghĩa vụ về hành vi. Do đó, trong thi hành án dân sự sử dụng thuật ngữ “Việc thi hành án dân sự” là phù hợp.

Vì vậy, Việc thi hành án dân sự là quyết định thi hành án chủ động hoặc theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự nhằm đưa một phần hay toàn bộ các khoản đã tuyên trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực nhưng được thi hành ngay hoặc các quyết

định khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan Thi hành án dân sự trên thực tế.

Cách hiểu như trên phù hợp với nội dung, bản chất và thực tiễn công tác thi hành án dân sự, vì “Án dân sự” chỉ bản án, quyết định dân sự của Tòa án, nhưng trong thi hành án dân sự, cơ quan Thi hành án dân sự không chỉ thi hành bản án, quyết định dân sự mà còn thi hành các quyết định về dân sự trong các bản án hình sự, hành chính, kinh doanh thương mại, phá sản; quyết định của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, nên việc sử dụng thuật ngữ “Án dân sự” trong thi hành án dân sự không bao trùm hết loại việc cơ quan Thi hành án dân sự phải tổ chức thi hành. Theo đó, trong thi hành án dân sự cần sử dụng thuật ngữ “Việc thi hành án dân sự” mà không sử dụng thuật ngữ “Án dân sự” như đang dùng hiện nay.

Do đó, “việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành” có thể hiểu là: Việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành là việc thi hành án dân sự mà chưa đáp ứng được đòi hỏi cần và đủ để có thể thi hành xong trên thực tế.

+ “*Việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành*” theo pháp luật thực định (Luật Thi hành án dân sự năm 2014)

Theo quy định của Điều 44a (được bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS) thì việc chưa có điều kiện thi hành án thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Người phải thi hành án không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án;

- Người phải thi hành án phải thi hành nghĩa vụ về trả vật đặc định nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác;

- Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải thi hành án, người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng.[14, tr.52-53]

Như vậy, “*việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành*” là việc thi hành án dân sự mà quá trình tổ chức thi hành án, chấp hành viên xác định rằng người phải thi hành án thuộc một trong những điều kiện nêu trên thì chấp hành viên tiến hành các thủ tục trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định xác định việc không có điều kiện thi hành.

Khái niệm “*người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành*”

Người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành nhưng vụ việc thuộc một trong những trường hợp chưa có điều kiện thi hành án.

c. Khái niệm về công khai thông tin của người phải thi hành án

Theo quy định tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013 thì:

“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác” [12, tr.17]

Như vậy, Hiến pháp đã quy định rõ mọi thông tin của cá nhân đều được nhà nước bảo vệ, đây là một trong những quyền cơ bản của con người.

“Công khai” theo sách Đại từ điển Tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên, Nhà xuất bản ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 2007 thì công khai là "không giấu diếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết" [6, tr. 346]. Cụm từ “Công khai” thường đi cùng và gắn liền cụm từ “Minh bạch”. Cũng theo sách Đại từ điển nêu trên thì minh bạch là "sáng rõ, rành mạch" [6, tr 1037]. Có thể hiểu “*công khai thông tin*” là việc không giấu diếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết về sự truyền đạt, sự phản ánh tri thức dưới các hình thức khác nhau, cho biết về thể giới xung quanh và quá trình xảy ra trong nó.

Theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015: “*Thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể. Chủ thể thông tin cá nhân là người được xác định từ thông tin cá nhân đó.*” [10, tr.11].

Theo quy định của Nghị định 72/2013/NĐ-CP: “*Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật.*” [8, tr.2].

Có thể hiểu “Công khai thông tin” đối với thông tin định danh là việc cho mọi người cùng biết về: tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định pháp luật của một đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên bí mật về thông tin cá nhân là quyền cơ bản của con người và được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 cho nên việc công khai thông tin của bất kỳ cá nhân nào cũng chỉ được thực hiện khi pháp luật cho phép và phải theo một trình tự thủ tục nhất định. Việc công khai thông tin của người phải thi hành án cũng chỉ được thực hiện khi cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành Quyết định chưa có điều kiện

thi hành án. Các thông tin của người phải thi hành án bị công khai bao gồm tên, địa chỉ của người phải thi hành án (thông tin định danh) và nghĩa vụ thi hành án còn phải thi hành của người phải thi hành án.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm “công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành” như sau:

Công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là việc đăng tải các thông tin định danh, nghĩa vụ thi hành án còn phải thi hành của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cho mọi người cùng biết theo quy định của pháp luật.

d. Khái niệm “công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành”

- Việc thi hành án đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp được xác định chưa có điều kiện thi hành khi thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Doanh nghiệp không còn tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án;

+ Doanh nghiệp phải thi hành nghĩa vụ về trả vật đặc định nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác.

Đối với Doanh nghiệp phải thi hành án chỉ bị công khai thông tin khi họ phải thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng chưa có điều kiện thi hành án và cơ quan Thi hành án dân sự đã ban hành Quyết định chưa có điều kiện thi hành án.

Khái niệm công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là việc đăng tải các thông tin định danh, nghĩa vụ thi hành án còn phải thi hành của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cho mọi người cùng biết theo quy định của pháp luật. **1.1.2 Đặc điểm của việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành**

a. Về tư cách chủ thể của đương sự

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 thì *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.[13, tr.11]. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì có các loại hình Doanh nghiệp là Công ty TNHH, Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân và nhóm Công ty.

Mặt khác, các quy định pháp luật về hình sự chưa buộc Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, các Doanh nghiệp phải thực hiện các các nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án chủ yếu là liên quan đến các tranh chấp về dân sự, những tranh chấp về kinh doanh, thương mại, những tranh chấp về lao động. Cụ thể theo quy định tại các Điều 26, Điều 30 và Điều 32 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đó là những tranh chấp sau:

“Điều 26. Những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án [11, tr 19-20].

Điều 30. Những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án [11, tr.23].

Điều 32. Những tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án [11, tr.24-25].

Theo quy định tại các Điều luật trên, chủ thể trong án dân sự, kinh doanh thương mại, lao động có thể là doanh nghiệp, nhưng cũng có thể không

phải là doanh nghiệp. So với chủ thể là các cá nhân thì chủ thể là doanh nghiệp có sự khác biệt, cơ quan thi hành án phải xem xét đến điểm khác biệt về chủ thể này để có thể phân định rõ chủ thể công khai thông tin. Chẳng hạn khi tiến hành công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thay vì ghi tên người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là ông Nguyễn Văn A, thì chấp hành viên phải ghi người phải thi hành án là Công ty TNHH Văn A do ông Nguyễn Văn A, chức vụ Giám đốc làm đại diện.

b. Về tính trách nhiệm hữu hạn và quyền sở hữu tài sản

Hầu hết các doanh nghiệp, ngoại trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, đều có tính chịu trách nhiệm hữu hạn. Vì vậy, trong quá trình xác minh điều kiện thi hành án, bên cạnh việc xác minh các tài sản của doanh nghiệp, Chấp hành viên cần lưu ý về số vốn các thành viên đã cam kết góp vào doanh nghiệp và các văn bản, giấy tờ ghi nhận quá trình góp vốn đó để xác định trách nhiệm của các thành viên góp vốn đối với khoản nợ.

Doanh nghiệp có quyền sở hữu tài sản riêng, do đó, trong quá trình xác minh, xử lý tài sản, Chấp hành viên cần phân biệt tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tài sản thuộc sở hữu của các thành viên góp vốn. Trên thực tế, rất nhiều trường hợp Giám đốc doanh nghiệp hoặc một số thành viên góp vốn sử dụng xe ô tô, tài sản có giá trị khác là tài sản thuộc sở hữu riêng của mình vào hoạt động của doanh nghiệp. Chấp hành viên cần thận trọng trong việc xử lý đối với tài sản này.

Ngoài ra, các doanh nghiệp thường sở hữu nhiều tài sản tương đối đặc biệt như dây chuyền công nghệ, thương hiệu kinh doanh, nhãn hiệu hàng hóa..., vì vậy, khi xử lý các tài sản này, chấp hành viên cũng phải lưu ý quy định của pháp luật về những tài sản đó.

Với đặc điểm của tính trách nhiệm hữu hạn và quyền sở hữu tài sản nêu trên thì việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đòi hỏi quá trình xác minh điều kiện thi hành án đối với doanh nghiệp phải hết sức chi tiết, thận trọng. Bởi lẽ, không thể công khai thông tin của các thành viên góp vốn trong khi họ đã chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp.

c. Về uy tín của doanh nghiệp trên thương trường

Những trường hợp doanh nghiệp cố tình che giấu, tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của mình trong khi doanh nghiệp đó vẫn hoạt động bình thường thì biện pháp công khai thông tin về tên, địa chỉ, nghĩa vụ còn phải thi hành của doanh nghiệp đó là một giải pháp quan trọng, có tính chất quyết định. Doanh nghiệp sẽ phải lựa chọn giữa việc chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ thi hành án đối với người được thi hành án để bảo vệ uy tín của doanh nghiệp mình hoặc không thể tiếp tục các giao dịch kinh doanh thương mại với các bạn hàng, đối tác trong khi thông tin về nghĩa vụ phải thi hành của doanh nghiệp mình vẫn đang được công khai cho mọi người cùng biết.

Có ý kiến cho rằng, khi doanh nghiệp không còn tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án thì coi như doanh nghiệp trong khuôn khổ số vốn điều lệ, tài sản của doanh nghiệp... đã thực hiện hết khả năng để thi hành nghĩa vụ thi hành án của mình. Lúc này, việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án lại làm cản trở doanh nghiệp này tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh sinh lời để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình. Đây là điểm mâu chốt cần xử lý để có thể đưa quy định về công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành áp dụng vào trong thực tiễn.

1.1.3 Mục đích, ý nghĩa của việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

a. Đối với nhà nước, cơ quan quản lý thi hành án dân sự

Một là, kiểm soát chặt chẽ công tác phân loại việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành, việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (trong đó có người phải thi hành án là doanh nghiệp) đòi hỏi chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án theo trình tự, thủ tục chặt chẽ và trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án ban hành Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành, sau đó tiến hành công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trong thời hạn đã được quy định. Khi cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định xác định việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành và đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định thì việc thi hành án đó và số tiền thi hành án tương ứng mới được xác định là không có điều kiện thi hành để đưa vào báo cáo thống kê kết quả thi hành án.

Hai là, nâng cao trách nhiệm của chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự: việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, nhất là đối với doanh nghiệp là vấn đề khá nhạy cảm, dễ phát sinh sai sót, nhầm lẫn gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân, tổ chức. Do đó, để vừa đáp ứng được yêu cầu của Luật, của Ngành Tư pháp, của Hệ thống thi hành án dân sự vừa tránh làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức thì chấp hành viên cũng như cơ quan thi hành án dân sự phải nâng cao trách nhiệm của mình trong quá trình tổ chức thi hành án.

Ba là, minh bạch hóa quá trình tổ chức thi hành án của chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự, quá trình công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành giúp cá nhân, tổ chức quan tâm có thể tham gia giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự trong công tác

xác minh điều kiện thi hành án, ra Quyết định về xác định việc chưa có điều kiện thi hành án.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi hành án dân sự, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản, tình trạng thi hành án của người phải thi hành án phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin: bằng việc thực hiện tốt công tác công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự sẽ hình thành cơ sở dữ liệu về tài sản, tình trạng thi hành án của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên toàn quốc, phục vụ việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa các chấp hành viên, các địa bàn, các tỉnh, thành phố và các cơ quan hữu quan có liên quan, tiết kiệm thời gian, chi phí cho việc xác minh các nội dung có liên quan đến vụ việc thi hành án.

b. Đối với nhân dân

Một là, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về thi hành án dân sự của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm có thể tiếp cận dễ dàng đối với thông tin đã được công khai theo quy định của pháp luật.

Hai là, nâng cao ý thức tự giác chấp hành bản án, tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án: trong xã hội đang phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực về thông tin hiện nay thì việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cũng góp phần làm nâng cao ý thức pháp luật, ý thức tự giác chấp hành bản án, tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án.

Ba là, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được thi hành án: người được thi hành án được thông báo về việc ra Quyết định xác định việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành, được tiếp cận thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, nắm được tình trạng tài sản của người phải thi hành án. Khi phát hiện được thông tin, xác minh được người phải thi hành án có tài sản, thu nhập có thể xử lý để thi hành án thì cơ quan thi hành án có

trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp tục thi hành án đối với vụ việc của họ, bảo vệ quyền lợi của họ được tốt hơn.

Bốn là, góp phần làm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh: với việc được tiếp cận thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, các doanh nghiệp khi tiến hành giao kết các hợp đồng của mình có thêm kênh thông tin để cân nhắc, lựa chọn đối tác kinh doanh uy tín hơn, an toàn hơn để tránh các rủi ro phát sinh.

1.2 Nội dung của việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1.2.1 Nội dung công khai thông tin định danh của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

a. Nội dung công khai thông tin định danh của cá nhân phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Theo quy định của Nghị định 72/2013/NĐ-CP: “*Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật.*”[8,tr.2]

Do vậy, trường hợp tiến hành công khai thông tin của cá nhân phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thì cần công khai các nội dung như sau: *tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số bản án, quyết định, số quyết định thi hành án, nghĩa vụ còn phải thi hành án, lý do chưa có điều kiện thi hành án, biên bản xác minh điều kiện thi hành án.* Riêng số điện thoại thì có thể hủy bỏ không sử dụng, có thể được giao dịch mua bán nên không thực sự gắn liền với việc xác định danh tính của cá nhân đó.

b. Nội dung công khai thông tin định danh của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2015 thì *doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.*[13,tr.13].

Từ đặc điểm định danh của doanh nghiệp thì thông tin định danh của doanh nghiệp được xác định bao gồm: tên doanh nghiệp, tài sản (vốn) của doanh nghiệp, trụ sở giao dịch của doanh nghiệp, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Theo đó, trường hợp tiến hành công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thì ngoài thông tin định danh của doanh nghiệp nêu trên, cơ quan thi hành án dân sự cần phải xác định rõ trách nhiệm về nghĩa vụ (các khoản nợ) của doanh nghiệp theo loại hình của doanh nghiệp đó và tình trạng tài sản còn lại có thể xử lý để đảm bảo thi hành án.

1.2.2 Nội dung công khai thông tin do cơ quan nhà nước tạo lập

a. Thông tin về bản án, quyết định của Tòa án

Theo quy định tại Điều 11 của Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 thì: “1. Tòa án nhân dân xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng; 2. Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án nhân dân có thể xét xử kín.”[15, tr.13]. Theo đó, trừ những bản án được xử kín thì các bản án, quyết định khác của Tòa án đều mang tính công khai, minh bạch; việc công khai thông tin liên quan đến số bản án, quyết định, ngày ban hành bản án, quyết định giúp cho cá nhân, tổ chức quan tâm được biết và dễ dàng tra cứu, tìm hiểu là phù hợp. Như vậy, khi công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thì nội dung thông tin này

cần đảm bảo được cung cấp số bản án, quyết định của Tòa án - là cơ sở để ban hành Quyết định thi hành án đối với vụ việc đó.

b. Thông tin về Quyết định thi hành án, Biên bản xác minh điều kiện thi hành án, Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành

Khi cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thì ngoài các thông tin định danh và nghĩa vụ thi hành án còn lại, những thông tin được xác lập bởi cơ quan này như: số, ngày, tháng Quyết định thi hành án; ngày tháng Biên bản xác minh điều kiện thi hành án; số, ngày, tháng Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành, cũng được công bố công khai cho mọi người cùng biết.

Như vậy, nội dung công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án bao gồm: thông tin định danh, nghĩa vụ còn phải thi hành của doanh nghiệp đó và thông tin được tạo lập bởi cơ quan nhà nước có liên quan đến vụ việc thi hành án đó.

1.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1.3.1 Những yếu tố chủ quan

Một là, chưa có quy định pháp luật, hướng dẫn về xác minh điều kiện thi hành án riêng cho đối tượng người phải thi hành án là doanh nghiệp mà chỉ quy định chung chung cho người phải thi hành án. Trong khi đó doanh nghiệp thì có rất nhiều loại hình, có rất nhiều hình thức sở hữu tài sản, đòi hỏi chấp hành viên phải đầu tư rất nhiều thời gian phối hợp với nhiều đơn vị hữu quan mới có thể xác minh được cơ bản (khó có thể đầy đủ) điều kiện thi hành án của doanh nghiệp.

Hai là, kỹ năng tác nghiệp, ý thức trách nhiệm công vụ của chấp hành viên có lúc, có nơi chưa cao dẫn tới chưa làm hết trách nhiệm, xác minh điều kiện thi hành án hời hợt, sơ sót, thậm chí có chấp hành viên chỉ xác minh tại

trụ sở đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp thấy doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đó, không thực hiện xác minh tại cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh mà đã trình Thủ trưởng đơn vị ra Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành án.

Ba là, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của công chức làm công tác thi hành án dân sự không đồng đều; chưa có phần mềm hỗ trợ công khai thông tin dẫn đến việc công khai thông tin còn đang thực hiện rất thủ công, tốn kém nhiều thời gian, công sức.

1.3.2 Những yếu tố khách quan

Ngoài những yếu tố chủ quan do chưa có quy định riêng về xác minh điều kiện thi hành án và các quy định liên quan đến quá trình tổ chức thi hành án có liên quan đến doanh nghiệp, kỹ năng tác nghiệp và trách nhiệm của chấp hành viên, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, quy trình thực hiện thủ công... thì còn một số yếu tố khách quan có tác động đến hoạt động công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, cụ thể như sau: thời gian thi hành một vụ việc liên quan đến doanh nghiệp thường phải kéo dài bởi các quy trình xử lý tài sản của doanh nghiệp đa phần phải phụ thuộc vào các cơ quan chức năng có liên quan, dẫn tới từ thời điểm tổ chức thi hành án cho đến thời điểm ban hành Quyết định xác định việc phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cũng rất dài; quá trình xác định chủ thể cần công khai thông tin cũng là một điểm khó khăn, vướng mắc, có trường hợp xác định chưa chính xác, đầy đủ đối tượng cần công khai (trong khi doanh nghiệp bị công khai thông tin về cá khoản nợ phải thi hành thì cá nhân thuộc ban giám đốc, hội đồng quản trị... vẫn nhớn nhạo thành lập, tham gia góp vốn vào công ty, doanh nghiệp khác và bỏ lơ nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp cũ).

Kết luận chương 1

Thi hành án dân sự có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án nói riêng và trong hoạt động tư pháp nói chung. Bản án, quyết định của Tòa án chỉ là những phán quyết trên giấy, nếu nó không được thực thi trên thực tế. Hoạt động thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng có hiệu quả sẽ góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay, bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự thì việc triển khai hướng dẫn, áp dụng có hiệu quả các quy định của pháp luật vào thực tiễn cũng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng; hướng tới hoạt động của cơ quan thi hành án tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; tiết kiệm chi phí cho nhà nước, nâng cao trách nhiệm của công chức làm công tác thi hành án dân sự; nâng cao ý thức pháp luật, ý thức tự giác chấp hành bản án, quyết định của người dân.

Hoạt động công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (trong đó có đối tượng là doanh nghiệp) thể hiện những điểm mạnh, mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân, tổ chức, cơ quan như: nâng cao ý thức tự nguyện thi hành án của cá nhân, tổ chức là người phải thi hành án; bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được thi hành án; tạo lập thêm một kênh thông tin để cá nhân, tổ chức khi tham gia các hợp đồng kinh doanh, giao kết hợp đồng dân sự có cơ sở tham chiếu, phòng ngừa rủi ro phát sinh sau khi giao kết hợp đồng; minh bạch hóa quá trình tác nghiệp, tổ chức thi hành án của chấp hành viên và cơ quan thi hành án dân sự; nâng cao ý thức trách nhiệm của chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự; giúp cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án kiểm soát chặt chẽ công tác phân loại việc chưa có điều kiện thi hành; tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành để có thể kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác như Lý lịch tư pháp, Hộ tịch, Quốc tịch,

Đăng ký giao dịch đảm bảo... Tuy nhiên, ngoài những lợi ích mang lại, việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (trong đó có đối tượng là doanh nghiệp) là một quy định mới, có ảnh hưởng lớn đến danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức, cơ quan là người phải thi hành án; cho nên cũng dễ dẫn tới sai sót, sai phạm, mà nếu xảy ra sai phạm thì hậu quả cũng rất lớn. Do vậy, thực tiễn đòi hỏi phải nghiên cứu quy định này một cách có hệ thống, góp phần thực hiện hiệu quả, đồng thời cũng lường trước được những sơ sót có thể xảy ra trong quá trình thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2014 VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1 Về trình tự, thủ tục công khai thông tin của Doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành án

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 25/11/2014 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015), tại Điều 44a quy định: “Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh để niêm yết, đồng thời đăng tải thông tin về tên, địa chỉ, nghĩa vụ phải thi hành của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên trang thông tin điện tử về thi hành án dân sự”. [14, tr.52-53].

Để hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, ngày 18/7/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, theo đó tại Điều 11 quy định Công khai thông tin của người phải thi hành án cụ thể như sau:

“1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự đăng tải công khai thông tin về tên, địa chỉ, nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; gửi quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh để niêm yết công khai. Thời gian niêm yết công khai quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án là 03 tháng, kể từ ngày niêm yết.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về sự thay đổi tên, địa chỉ, nghĩa vụ và điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự đã công khai thông tin phải bổ sung, sửa đổi thông tin và công khai nội dung thay đổi.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đình chỉ thi hành án hoặc có văn bản xác nhận về việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải chấm dứt việc công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự để chấm dứt tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được quyết định đình chỉ thi hành án hoặc có văn bản xác nhận về việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã phải chấm dứt niêm yết công khai”. [7, tr 8].

Tiếp theo, ngày 01/02/2016 Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 01/2016/TT-BTP hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong [thi hành án](#) dân sự (có hiệu lực từ ngày 16/3/2016), trong đó đã dành Chương II để quy định về công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Do đó, việc công khai thông tin của Doanh nghiệp phải thi hành án nhưng chưa có điều kiện thi hành được pháp luật quy định hết sức chặt chẽ và cơ quan thi hành án dân sự phải tuân thủ đầy đủ các quy định nay cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc công khai thông tin của Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ được công khai thông tin Doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành án chỉ được thực hiện khi cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc Doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành án.

- Phải bảo đảm chính xác, minh bạch, đầy đủ nội dung, đúng hình thức và thời gian quy định.

- Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin được công khai.

- Trường hợp có thay đổi, sai sót về nội dung thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án phải điều chỉnh, thay đổi và công khai theo quy định pháp luật,

Thứ hai, nội dung công khai thông tin của Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành bao gồm:

- Thông tin cơ bản của Doanh nghiệp phải thi hành án như: tên, địa chỉ của Doanh nghiệp

- Số bản án, quyết định của Tòa án, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

- Số quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự.

- Nghĩa vụ chưa có điều kiện thi hành (cơ quan thi hành án dân sự chỉ được công bố nghĩa vụ hành án chưa có điều kiện thi hành).

- Lý do chưa có điều kiện thi hành.

Thứ ba, hình thức công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành:

Thông tin của Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được đăng tải và tích hợp tại mục “*Danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành*” trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Thứ tư, trình tự, thủ tục công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự lập danh sách Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

- Cục Thi hành án dân sự tổ chức đăng tải danh sách Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thuộc địa bàn quản lý trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự,

- Cục Thi hành án dân sự phải gửi danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thuộc địa bàn quản lý về Tổng cục Thi hành án dân sự để tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Thứ năm, việc chấm dứt công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành khi có một trong những điều kiện sau:

- Có quyết định đình chỉ thi hành án đối với nghĩa vụ đã công khai của Doanh nghiệp phải thi hành án.

- Có văn bản xác nhận về việc Doanh nghiệp phải thi hành án thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án đã công khai.

- Có căn cứ xác định Doanh nghiệp phải thi hành án đã có điều kiện thi hành.

Thời hạn chấm dứt việc công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và chấm dứt tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân là 02 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các điều kiện trên.

Thứ sáu, quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án trong việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Thứ bảy, xác định việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân

Như vậy, bằng việc quy định khá chặt chẽ về trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện đối với việc đăng tải, cập nhật, chấm dứt việc đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thể hiện quyết tâm minh bạch hóa quá trình thi hành án dân sự cho cá nhân, tổ chức quan tâm và toàn xã hội nói chung, góp phần xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm khiết, công khai, minh bạch.

2.2 Thực tiễn áp dụng quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành từ ngày 01/7/2015 đến 30/6/2016

2.2.1 Những kết quả đạt được

a. Về thiết lập, quản lý thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Để đáp ứng nhu cầu cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, các cơ quan thi hành án dân sự phải thường xuyên theo dõi, xác minh điều kiện thi hành án, phân loại án theo quy định pháp luật để làm cơ sở ban hành Quyết định xác định việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành, trên cơ sở đó thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và hình thành cơ sở dữ liệu thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Hiện nay, thông tin của người phải thi hành án đã được hình thành theo hồ sơ các việc thi hành án. Theo kết quả thống kê thi hành án dân sự, tính từ ngày 01/7/2015 đến 30/6/2016 (Bảng 1, Bảng 2), các cơ quan thi hành án dân sự trên toàn quốc phải thụ lý thi hành 687.671 việc, với số tiền tương ứng khoảng 131.606

tỷ đồng; trong đó, số việc chưa có điều kiện thi hành là 116.293 việc (chiếm 16,91% số việc thụ lý), với số tiền là 26.003 tỷ đồng (chiếm 19,75% tổng số tiền thụ lý). Trong số 116.293 việc chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự đã ra 104.672 Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành và tiến hành đăng tải thông tin đối với 106.615 người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân phường nơi tiến hành xác minh điều kiện thi hành án để thực hiện niêm yết công khai. Trong số 116.293 việc chưa có điều kiện thi hành có 12.409 việc chưa có điều kiện thi hành có người phải thi hành án là doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 10,67% với số việc chưa có điều kiện thi hành, tương ứng với số tiền là 10.921 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 42% số tiền chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự đã ra 11.324 Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành và tiến hành đăng tải thông tin đối với 11.487 doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Bảng 1

So sánh số liệu người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên

Trang thông tin điện tử so với số việc chưa có điều kiện thi hành

(Từ ngày 01/7/2015 đến hết ngày 30/6/2016)

Bảng 1

STT	Tỉnh, thành phố	Người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành	QĐ về việc chưa có điều kiện thi hành	Số việc chưa có điều kiện thi hành	Số việc phải thi hành	Ghi chú
	Tổng	106,615	104,672	116,293	687,671	
1	An Giang	1,229	1,223	2260	13,295	
2	Bắc Giang	2,991	2,874	3053	10,113	
3	Bắc Kạn	531	509	511	1,890	

4	Bạc Liêu	920	915	985	9,302	
5	Bắc Ninh	1,212	1,135	1095	6,198	
6	Bến Tre	1,711	1,692	1691	14,966	
7	Bình Định	1,884	1,832	1832	7,902	
8	Bình Dương	1,804	1,804	1804	24,062	
9	Bình Phước	1,930	1,868	2209	12,286	
10	Bình Thuận	1,330	1,329	1792	14,257	
11	BR-Vũng Tàu	1,609	1,597	1719	11,658	
12	Cà Mau	2,354	2,349	2694	14,367	
13	Cần Thơ	1,556	1,555	1850	12,407	
14	Cao Bằng	381	375	342	1,641	
15	Đà Nẵng	2,381	2,381	2525	9,892	
16	Đắk Lắk	2,019	2,019	2318	14,379	
17	Đắk Nông	717	669	839	4,855	
18	Điện Biên	425	423	423	2,696	
19	Đồng Nai	3,922	3,900	4866	24,614	
20	Đồng Tháp	1,662	1,662	1959	14,832	
21	Gia Lai	1,982	1,976	2129	11,829	
22	Hà Giang	281	266	287	2,219	
23	Hà Nam	966	891	891	2,444	
24	Hà Nội	8,512	8,318	8318	33,544	
25	Hà Tĩnh	438	438	490	3,353	
26	Hải Dương	936	925	1335	8,989	
27	Hải Phòng	4,867	4,863	4876	14,488	
28	Hậu Giang	712	711	837	8,535	
29	TP Hồ Chí Minh	11,545	11,545	12580	82,165	
30	Hòa Bình	370	370	354	3,391	
31	Hưng Yên	1,241	1,202	1276	5,333	
32	Khánh Hòa	1,632	1,632	1919	10,907	
33	Kiên Giang	2,618	2,607	2716	16,616	
34	Kon Tum	361	361	361	2,855	
35	Lai Châu	154	154	156	1,455	

36	Lâm Đồng	509	385	1737	11,565	
37	Lạng Sơn	842	842	909	4,751	
38	Lào Cai	888	888	889	3,881	
39	Long An	2,901	2,901	3008	25,766	
40	Nam Định	1,325	1,262	1452	5,327	
41	Nghệ An	2,057	2,057	2185	13,097	
42	Ninh Bình	617	617	662	5,005	
43	Ninh Thuận	517	519	528	3,812	
44	Phú Thọ	1,351	1,351	1462	8,737	
45	Phú Yên	1,095	1,094	1140	6,320	
46	Quảng Bình	426	399	407	3,015	
47	Quảng Nam	853	853	929	7,558	
48	Quảng Ngãi	919	627	1009	6,938	
49	Quảng Ninh	1,345	1,345	1378	8,317	
50	Quảng Trị	136	136	185	2,934	
51	Sóc Trăng	1,289	1,270	1311	10,105	
52	Sơn La	796	795	796	4,943	
53	Tây Ninh	4,413	4,413	4643	27,794	
54	Thái Bình	1,148	1,085	1402	6,390	
55	Thái Nguyên	2,419	2,349	2668	9,146	
56	Thanh Hóa	2,344	2,178	2430	12,139	
57	Tiền Giang	3,208	3,206	3583	22,009	
58	Trà Vinh	1,038	1,037	1183	13,172	
59	TT Huế	321	321	364	4,492	
60	Tuyên Quang	1,294	1,181	1186	4,255	
61	Vĩnh Long	1,284	1,097	1411	11,149	
62	Vĩnh Phúc	1,155	1,155	1156	6,746	
63	Yên Bái	942	939	988	4,573	

Nguồn: Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp

Bảng 2**So sánh số liệu doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin so với số việc chưa có điều kiện thi hành****(Từ ngày 01/7/2015 đến hết ngày 30/6/2016)***Bảng 2*

STT	Tỉnh, thành phố	Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành	QĐ về việc chưa có điều kiện thi hành đối với doanh nghiệp	Số việc chưa có điều kiện thi hành đối với doanh nghiệp	Số việc phải thi hành đối với doanh nghiệp	Ghi chú
	Tổng	11,487	11,324	12,409	71,688	
1	An Giang	147	147	271	1,595	
2	Bắc Giang	269	259	275	910	
3	Bắc Kạn	27	25	26	95	
4	Bạc Liêu	64	64	69	651	
5	Bắc Ninh	133	125	120	682	
6	Bến Tre	205	203	203	1,796	
7	Bình Định	245	238	238	1,027	
8	Bình Dương	235	235	235	3,128	
9	Bình Phước	232	224	265	1,474	
10	Bình Thuận	106	106	143	1,141	
11	BR-Vũng Tàu	145	144	155	1,049	
12	Cà Mau	141	141	162	862	
13	Cần Thơ	140	140	167	1,117	
14	Cao Bằng	27	26	24	115	
15	Đà Nẵng	357	357	379	1,484	
16	Đắk Lắk	262	262	301	1,869	
17	Đắk Nông	65	60	76	437	
18	Điện Biên	21	21	21	135	

19	Đồng Nai	471	468	584	2,954	
20	Đồng Tháp	216	216	255	1,928	
21	Gia Lai	178	178	192	1,065	
22	Hà Giang	11	11	11	89	
23	Hà Nam	116	107	107	293	
24	Hà Nội	1,532	1,497	1497	6,038	
25	Hà Tĩnh	53	53	59	402	
26	Hải Dương	103	102	147	989	
27	Hải Phòng	779	778	780	2,318	
28	Hậu Giang	78	78	92	939	
29	TP Hồ Chí Minh	2,194	2,194	2390	15,611	
30	Hòa Bình	15	15	14	136	
31	Hưng Yên	99	96	102	427	
32	Khánh Hòa	147	147	173	982	
33	Kiên Giang	157	156	163	997	
34	Kon Tum	18	18	18	143	
35	Lai Châu	5	5	5	44	
36	Lâm Đồng	15	12	52	347	
37	Lạng Sơn	51	51	55	285	
38	Lào Cai	36	36	36	155	
39	Long An	232	232	241	2,061	
40	Nam Định	93	88	102	373	
41	Nghệ An	185	185	197	1,179	
42	Ninh Bình	37	37	40	300	
43	Ninh Thuận	36	36	37	267	
44	Phú Thọ	68	68	73	437	
45	Phú Yên	55	55	57	316	
46	Quảng Bình	21	20	20	151	
47	Quảng Nam	43	43	46	378	
48	Quảng Ngãi	55	38	61	416	
49	Quảng Ninh	148	148	152	915	
50	Quảng Trị	15	15	20	323	

51	Sóc Trăng	103	102	105	808	
52	Sơn La	32	32	32	198	
53	Tây Ninh	309	309	325	1,946	
54	Thái Bình	80	76	98	447	
55	Thái Nguyên	97	94	107	366	
56	Thanh Hóa	211	196	219	1,093	
57	Tiền Giang	289	289	322	1,981	
58	Trà Vinh	31	31	35	395	
59	TT Huế	10	10	11	135	
60	Tuyên Quang	39	35	36	128	
61	Vĩnh Long	77	66	85	669	
62	Vĩnh Phúc	81	81	81	472	
63	Yên Bái	47	47	49	229	

Nguồn: Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp

Số liệu nêu trên cho thấy, cơ quan thi hành án dân sự đã tiến hành đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên cơ sở Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn cơ quan thi hành án dân sự đã kịp thời nắm bắt được các quy định mới và vận dụng có hiệu quả quy định này, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân và Doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án.

Mặc dù, số người phải công khai thông tin tương đối lớn (bao gồm cả cá nhân, tổ chức và Doanh nghiệp) nhưng đến nay theo thống kê các cơ quan thi hành án dân sự chưa nhận được khiếu nại, hay tố cáo liên quan đến việc công khai thông tin của người phải thi hành án nhưng chưa có điều kiện thi hành.

b. Về ứng dụng công nghệ thông tin đối với công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Căn cứ quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự về công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, từ ngày 01/7/2015 Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng và

đưa vào hoạt động 63 Trang thông tin điện tử của 63 Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các Cục Thi hành án dân sự về việc công bố, đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Ngoài ra, để phục vụ việc theo dõi, đánh giá kết quả thi hành án và tình hình công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, Bộ Tư pháp và Tổng cục Thi hành án dân sự đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nội dung này, yêu cầu Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thực hiện nghiêm việc đăng tải thông tin, báo cáo tình hình, kết quả về Tổng cục Thi hành án dân sự để tổng hợp, công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự theo quy định. Như vậy, từ khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành, thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành bước đầu được đăng tải công khai đã giúp các cơ quan có thẩm quyền chủ động hơn trong việc chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc thi hành án; nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức quan tâm.

c. Công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành góp phần giải quyết án tồn đọng, nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự đối với doanh nghiệp

Nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp, với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Các khiếu kiện hành chính; Các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động, các loại khiếu kiện và tranh chấp có yếu tố nước ngoài có chiều hướng tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn. Vì vậy, số vụ việc thi hành án ngày càng tăng, trong đó thi hành án đối với doanh nghiệp chiếm một tỷ lệ cao về giá trị. Nếu không có cơ chế hữu hiệu để thi hành đối với những vụ việc này, thì lượng việc và tiền ngày càng tồn đọng nhiều hơn. Do đó, các biện pháp

nâng cao hiệu quả thi hành án đối với doanh nghiệp (trong đó có công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành) góp phần quan trọng giải quyết giảm án tồn đọng đối với doanh nghiệp hiện nay, đồng thời tạo cơ chế pháp lý chặt chẽ để việc công khai thông tin được tiến hành chính xác, đầy đủ, kịp thời tránh phát sinh khiếu nại.

d. Công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành góp phần bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh

Với chủ trương tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường, Nhà nước đã từng bước thiết lập khung pháp lý và thể chế nhằm tạo ra một sân chơi công bằng, bình đẳng cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế có cơ hội như nhau trong sản xuất, kinh doanh. Trong các giao kết hợp đồng kinh tế, dân sự, nhất là quan hệ kinh tế thị trường, các tranh chấp dân sự, kinh tế cũng tất yếu nảy sinh và ngày càng phức tạp. Khi đó, việc giải quyết kịp thời các tranh chấp nảy sinh, tổ chức thi hành các phán quyết của Tòa án có hiệu quả, công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chặt chẽ sẽ ngày càng có ý nghĩa thiết thực. Không chỉ góp phần giải quyết việc thi hành án tồn đọng đối với doanh nghiệp, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của các bên mà còn có ý nghĩa trong tạo nên môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, an toàn, công khai, minh bạch.

2.2.2 Những tồn tại, hạn chế

a. Những tồn tại, hạn chế đối với việc công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Một là, chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành so với việc chưa có điều kiện thi hành

Theo số liệu tổng hợp nêu trên, có thể thấy có việc chưa có điều kiện thi hành có thể bao gồm nhiều người chưa có điều kiện thi hành, dẫn tới việc đối với một Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành án cũng có nhiều người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Do đó, số lượng người phải thi hành án được đăng tải công khai luôn lớn hơn hoặc bằng số Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành. Về nguyên tắc, Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành chỉ xác định đối tượng là vụ việc thi hành án đó chưa thể thi hành xong, trong nội dung của Quyết định mới xác định người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là những ai, nghĩa vụ còn lại chưa có điều kiện là gì. Tuy nhiên, trên thực tế do chưa được hướng dẫn cụ thể về nội dung này nên có địa phương thực hiện thực hiện ra nhiều hơn một Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành cho một việc chưa có điều kiện thi hành theo Báo cáo thống kê, dẫn tới việc tổng hợp, đối chiếu số liệu này gặp nhiều khó khăn.

Số liệu trên cũng cho thấy không phải tất cả số việc chưa có điều kiện thi hành đã được cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành nên sẽ còn một số trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành nhưng không bị công khai thông tin. Điều này là một hạn chế hết sức nghiêm trọng trong hoạt động của cơ quan thi hành án nó cho thấy có sự chênh lệch về số liệu báo cáo dẫn đến người dân không tin tưởng. Bởi lẽ số việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành chỉ được xác định bởi Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành mới được đưa vào số liệu báo cáo thống kê kết quả thi hành án, việc có sự chênh lệch giữa số việc chưa có điều kiện thi hành án trong báo cáo thống kê và số Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành án ở cùng một thời điểm là không thể lí giải.

Hai là, việc thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành còn mang tính thủ công, chưa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời

Để xây dựng cơ sở dữ liệu về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự phải lập hồ sơ thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, công khai thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh điều kiện thi hành án để niêm yết công khai và vào sổ theo dõi riêng khi có đủ điều kiện pháp luật quy định. Đặc thù của hồ sơ thi hành án liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ của các đương sự, trong đó các thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành mang tính “động” (phụ thuộc vào việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án và kết quả xác minh) nên Chấp hành viên phải thường xuyên cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ thi hành án và báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự. Tuy nhiên, tại các cơ quan thi hành án dân sự hiện nay (trong khi chờ xây dựng phần mềm hỗ trợ) thì việc quản lý, cập nhật, đăng tải thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành vẫn được thực hiện theo phương pháp truyền thống thông qua hệ thống biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ thi hành án sau đó thực hiện đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành bằng file Excel nên thông tin cập nhật, công khai chưa đầy đủ, kịp thời. Tính đến ngày 30/6/2015, toàn quốc vẫn còn 11.621 việc chưa có điều kiện thi hành tương ứng với 9,37% số việc chưa có điều kiện thi hành chưa được công khai trên Trang Thông tin điện tử của các Cục Thi hành án dân sự.

Ba là, việc cập nhật, quản lý thông tin về người phải thi hành án dân sự còn tản mạn, chưa có đầu mối thống nhất

Qua khảo sát tại các cơ quan thi hành án dân sự cho thấy hiện nay hồ sơ thi hành án do Chấp hành viên trực tiếp quản lý, báo cáo thống kê theo tháng; sau đó mới chuyển công chức được phân công tổng hợp (có nơi giao Văn phòng Cục tổng hợp, có nơi giao Phòng Nghiệp vụ tổng hợp) kết quả ra Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành án để xác định người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành để tiến hành đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Điều này gây khó khăn cho cơ quan quản lý thi hành án dân sự (Tổng cục Thi hành án dân sự) trong việc quản lý, cập nhật, tích hợp thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Cổng Thông tin điện tử.

Bốn là, việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu công khai thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Hiện tại, cơ sở dữ liệu thông tin của người phải thi hành án nói chung, người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành nói riêng hiện nay được thiết lập thông qua báo cáo thống kê kết quả thi hành án từ các Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự. Tuy nhiên, do trong hệ thống thi hành án dân sự chưa có phần mềm dùng chung để thống kê, theo dõi quá trình tổ chức thi hành án nên cơ sở dữ liệu về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành hiện nay mới chỉ đáp ứng yêu cầu công khai Danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo từng cơ quan thi hành án dân sự mà chưa có sự kết nối, kiểm soát, chia sẻ thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trong toàn hệ thống thi hành án dân sự. Quá trình cập nhật, bổ sung thông tin (nhất là việc điện tử hóa các hồ sơ thi hành án “tồn đọng” qua nhiều năm với số bút lục lớn) và công khai thông tin thường xuyên vì vậy cũng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là chưa thực hiện được việc tích hợp thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành vào cơ sở dữ liệu chung cũng như dữ liệu

được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Bên cạnh đó, điều kiện làm việc, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của Chấp hành viên, công chức các cơ quan thi hành án dân sự cũng còn hạn chế, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa đồng đều. Qua khảo sát cho thấy hiện tại hầu hết các Chấp hành viên (đầu mối quản lý thông tin của người phải thi hành án theo hồ sơ thi hành án) có trình độ A về tin học, trong khi phải tập trung làm công tác chuyên môn, công việc có nơi thường xuyên quá tải... nên cũng ảnh hưởng đến việc cập nhật thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Năm là, công tác phối hợp giữa cơ quan thi hành án và Ủy ban nhân dân cấp xã còn hạn chế

Một số địa phương khi chấp hành viên đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh gửi Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành để niêm yết công khai thì được trả lời là: không còn chỗ trống để niêm yết công khai nội dung này, cá biệt có địa phương yêu cầu trả phí niêm yết công khai thì mới tiến hành công khai... dẫn tới việc niêm yết công khai Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh gặp nhiều khó khăn, không đạt được hiệu quả mong muốn.

b. Những tồn tại, hạn chế đối với việc công khai thông tin doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Một là, chưa có quy định về nội dung thông tin đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp, việc không có quy định riêng đối với nội dung thông tin của người phải thi hành án là doanh nghiệp dẫn tới việc thông tin của doanh nghiệp đó được đăng tải chưa đầy đủ để định danh doanh nghiệp đó, các thông tin như: tài sản (vốn) của doanh nghiệp, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp,

người chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của doanh nghiệp lại không được đăng tải dẫn tới hiệu quả tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức, cơ quan còn thấp. Cũng do chưa có quy định này mà nhiều trường hợp chấp hành viên xác minh được người chịu trách nhiệm về nghĩa vụ đối với doanh nghiệp phải thi hành án nhưng lại không thể đăng tải công khai thông tin của cá nhân này gắn với nghĩa vụ còn phải thi hành, mà chỉ có thể đăng tải thông tin của doanh nghiệp đó đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đó.

Hai là, phương thức công khai thông tin đối với doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả, với quy định đăng tải thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang Thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự và niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh điều kiện thi hành án của doanh nghiệp chưa thực sự gây sức ép đối với doanh nghiệp trong việc lựa chọn giữ uy tín của mình hay tiếp tục chây ì không thực hiện nghĩa vụ phải thi hành. Thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cần được cá nhân, tổ chức có quan tâm tiếp cận một cách dễ dàng, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các diễn đàn lớn về sản xuất, kinh doanh, thương mại thì mới có thể giúp họ tiếp cận được thông tin của đối tác, bạn hàng, giúp họ giảm thiểu rủi ro trong việc giao kết các hợp đồng dân sự, kinh tế.

Ba là, chế tài chưa đủ mạnh trong việc công khai thông tin của doanh nghiệp, khác với việc công khai thông tin của người phải thi hành án là cá nhân, ngày nay cùng với xu hướng hội nhập quốc tế thì việc công khai, minh bạch về tài chính, năng lực của doanh nghiệp là một vấn đề hết sức bức thiết cần quan tâm. Bắt kịp với xu thế nêu trên, Đảng và Nhà nước ta cũng đã cụ thể hóa nội dung này bằng Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số

02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư hướng dẫn về việc công bố thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Những quy định này đã từng bước tiến tới một môi trường công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với doanh nghiệp nhà nước. Bên cạnh đó, trong năm 2015 và năm 2016 thì một nội dung quan trọng được người dân và xã hội quan tâm chính là việc cơ quan quản lý thuế tiến hành công khai thông tin các doanh nghiệp nợ thuế trên Trang thông tin và các phương tiện thông tin đại chúng, nội dung này đã được cơ quan thuế thực hiện khá hiệu quả từ việc chỉ niêm yết công khai thông tin hộ kinh doanh nợ thuế tại xã phường cho đến công khai danh sách và khoản nợ chi tiết của doanh nghiệp nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng và mang lại kết quả rất khả quan.

Trở lại với quy định công khai thông tin của Doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự chỉ được đăng tải công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án sau khi có Quyết định xác định rằng vụ việc thi hành án đó chưa có điều kiện thi hành. Quy định này mặc dù là một bước tiến mới trong tiến trình công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, cũng tạo điều kiện phục vụ tốt hơn cho quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức, giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được thi hành án... Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra liệu công khai thông tin của doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành hay nói cách khác là khi doanh nghiệp đó không còn khả năng để có thể thực hiện nghĩa vụ của mình trong bản án, quyết định có thực sự hiệu quả hay không? Có thực sự là sức ép đối với doanh nghiệp trong việc phải lựa chọn giữa bảo vệ uy tín của doanh nghiệp mình với bạn hàng, đối tác hay tiếp tục chây ì với nghĩa vụ thi hành án của mình hay không?

Về nguyên tắc thì bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài thương mại là công khai, minh bạch đối với nghĩa vụ và quyền lợi của các bên (duy chỉ có bí mật kinh doanh của các bên được giữ kín bởi phiên xét xử của chế định trọng tài), do vậy có nên hay không khi tiến hành công khai thông tin của người phải thi hành án cùng thời điểm với việc cơ quan thi hành án dân sự căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực thi hành để ra Quyết định thi hành án? Cơ quan thuế tiến hành công khai thông tin của doanh nghiệp nợ thuế sau khi có Quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với doanh nghiệp đó, không cần đợi đến khi xác định được doanh nghiệp đó không có điều kiện trả nợ thuế, điều này giúp cho khả năng thu tiền nợ thuế cho nhà nước cao hơn. Vậy, bằng việc ra Quyết định thi hành án trên cơ sở bản án, quyết định công khai của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, cơ quan thi hành án đã xác định rõ quyền lợi của người được thi hành án, nghĩa vụ của người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan. Nếu ngay trong giai đoạn này, sau khi kết thúc thời hạn tự nguyện thi hành án của đương sự cơ quan thi hành án dân sự tiến hành ngay việc công khai thông tin của người phải thi hành án và nghĩa vụ phải thi hành của họ thì có thể nâng cao khả năng thi hành án hơn là việc công khai thông tin của họ sau khi xác định họ không còn tài sản, không còn điều kiện để thi hành án. Riêng đối với doanh nghiệp, có thể tiêu chí chấp hành nghiêm bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài thương mại sau khi bản án, quyết định này có hiệu lực thi hành cũng là một tiêu chí tốt cho việc xây dựng thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp; bởi lẽ, trong sản xuất, kinh doanh, thương mại hay các hoạt động khác nhằm mục đích sinh lợi của doanh nghiệp với các đối tác không thể tránh được những rủi ro phát sinh những tranh chấp cần có sự xét xử của Tòa án, Trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp đó, việc một doanh nghiệp sau khi bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài thương mại có hiệu lực thi hành chủ động thi

hành nghĩa vụ của mình một cách nghiêm túc, đầy đủ sẽ là thước đo rất hiệu quả để đánh giá năng lực của doanh nghiệp đó. Ngược lại, một doanh nghiệp luôn tìm cách trốn tránh, chây ì thực hiện nghĩa vụ của mình đối với đối tác khi được công khai thông tin thì cũng là một tiêu chí xấu để người dân, bạn hàng, xã hội đánh giá. Thực tế xã hội Việt Nam hiện nay thì việc báo chí phản ánh những vi phạm, phát ngôn, chất lượng sản phẩm, nợ thuế... cũng như các khoản nợ của doanh nghiệp đã đạt được hiệu quả rất khả quan. Do vậy, cũng cần nghiên cứu thêm về nội dung công khai thông tin doanh nghiệp phải thi hành án để nâng cao hiệu quả công tác thi hành án, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, cũng như xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, công khai, minh bạch.

Trong khuôn khổ luận văn thạc sỹ của mình, tác giả xin đưa ra những giải pháp trước mắt nhằm thực hiện tốt quy định của pháp luật về công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, xây dựng cơ sở dữ liệu riêng về doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, làm cơ sở để có thể tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về nội dung này.

2.2.3 Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế

a. Nguyên nhân chủ quan

Một là, hệ thống thi hành án dân sự chưa có những công cụ và giải pháp tổng thể để thiết lập, công khai, theo dõi, cập nhật và kiểm soát trực tiếp, tập trung thống nhất trên phạm vi toàn quốc thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và kết quả thi hành án tại các cơ quan thi hành án dân sự.

Hai là, ý thức trách nhiệm của Lãnh đạo, cán bộ, công chức của một số cơ quan thi hành án dân sự về ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu.

Ba là, việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong thi hành án dân sự chưa được chú trọng hoặc dàn trải.

Bốn là, kỹ năng, trình độ chuyên môn, nhất là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận Chấp hành viên, công chức thi hành án dân sự còn hạn chế.

b. Nguyên nhân khách quan

Một là, quy định công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành là một quy định mới, việc triển khai áp dụng quy định này vào thực tiễn có những khó khăn, vướng mắc nhất định. Bên cạnh đó, việc không có quy định phân loại, bóc tách đối tượng phải thi hành án là doanh nghiệp cũng gây khó khăn cho việc xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin của đối tượng này trong hoạt động thi hành án dân sự nói chung và công khai thông tin của họ nói riêng.

Hai là, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp phải thi hành án chưa cao, họ luôn tìm cách trốn tránh, chây ì thực hiện nghĩa vụ của mình, đòi hỏi pháp luật phải có những chế tài mạnh mẽ hơn.

Ba là, mức độ quan tâm của cá nhân, tổ chức đối với thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành còn thấp, chưa thực sự coi Trang Thông tin thi hành án dân sự là kênh thông tin giúp họ theo dõi, nắm bắt quá trình thi hành án.

Bốn là, mặc dù pháp luật đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác minh điều kiện thi hành án trong việc niêm yết công khai thông tin của người phải thi hành án nhưng công tác này cũng chưa được quan tâm, thực hiện chưa hiệu quả.

Kết luận chương 2

Để triển khai thực hiện quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 liên quan đến quy định công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự đã có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ công tác này trong thực tiễn. Với kết quả đạt được 106.615 lượt đăng tải thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đối với 104.672 Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành trên 116.293 việc chưa có điều kiện thi hành và 11.487 lượt đăng tải thông tin của doanh nghiệp chưa có điều kiện thi hành đối với 11.324 Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành đối với doanh nghiệp trên 12.409 việc chưa có điều kiện thi hành có người phải thi hành án là doanh nghiệp, có thể nói công tác này đã được các cơ quan thi hành án dân sự thực hiện khá nghiêm túc, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác này vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định như: chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính việc chưa có điều kiện thi hành; việc cập nhật thông tin mang tính thủ công dẫn tới chưa đảm bảo chính xác, kịp thời; chưa có đầu mối thống nhất quản lý thông tin; công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện niêm yết công khai còn gặp khó khăn. Nhất là những tồn tại hạn chế liên quan đến việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành như: chưa có quy định riêng về thông tin định danh của doanh nghiệp; phương thức, hình thức công khai đối với đối tượng là doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; chế tài chưa đủ mạnh để gây sức ép đối với doanh nghiệp... Với sự phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn của công tác công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, tác giả tiếp tục tìm ra các nguyên nhân của tồn tại, hạn chế đã nêu để đưa ra những giải pháp khắc phục nhằm thực hiện hiệu quả hơn công tác này trong thực tiễn.

Chương 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

Trước yêu cầu của thực tiễn hoạt động công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành hiện nay, đòi hỏi phải có những biện pháp tháo gỡ hạn chế, tồn tại. Mặt khác cần khẩn trương có những giải pháp đồng bộ, lâu dài nhằm hoàn thiện pháp luật THADS trong công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành nhất là đối tượng người phải thi hành án là doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả thi hành án đối với doanh nghiệp.

3.1 Phương hướng hoàn thiện thể chế về thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án

3.1.1 Phương hướng trước mắt

Xây dựng Thông tư hướng dẫn quy trình thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo hướng:

Một là, hướng dẫn cụ thể về cách tính Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành so với việc chưa có điều kiện thi hành; đảm bảo sự đồng nhất giữa số liệu về việc chưa có điều kiện thi hành trong báo cáo thống kê và số lượng Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành ở cùng thời điểm báo cáo.

Hai là, quy định chi tiết về nội dung thông tin định danh đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp; cách thức xác định đối tượng cần công khai thông tin.

Ba là, hướng dẫn đăng tải, cập nhật, bổ sung, sửa đổi, quản lý, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Bốn là, xác định rõ đầu mối theo dõi, quản lý, khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành tại Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự.

3.1.2. Phương hướng lâu dài

Trên cơ sở tổng kết thực hiện công tác công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và đòi hỏi của thực tiễn đối với công tác này, về lâu dài cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự theo hướng:

Một là, quy định chế tài mạnh mẽ hơn trong việc công khai thông tin người phải thi hành án

Như đã phân tích ở trên, việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án nói riêng và người phải thi hành án nói chung chỉ mang lại hiệu quả tối ưu khi nó được thực hiện sớm hơn ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tổ chức cưỡng chế thi hành án sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án của doanh nghiệp. Việc công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án tại giai đoạn này có thể mang lại những hiệu quả cụ thể như sau: (i) minh bạch hóa hoàn toàn quá trình tổ chức thi hành án đối với doanh nghiệp; (ii) gây sức ép cần thiết để doanh nghiệp phải lựa chọn tự nguyện thi hành án để bảo vệ uy tín, thương hiệu; (iii) cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cá nhân, tổ chức có liên quan giúp họ có thêm thông tin cần thiết trong việc thực hiện các giao dịch dân sự, giao kết hợp đồng kinh tế; (iv) xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh công khai minh bạch, đảm bảo tính hiệu lực của bản án, quyết định đối với những tranh chấp có liên quan; (v) góp phần

đưa tiêu chí chấp hành nghiêm túc bản án, quyết định của Tòa án thành một tiêu chí quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp.

Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự theo hướng cơ quan thi hành án phải thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án ngay từ thời điểm hết thời gian tự nguyện thi hành án. Sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định cưỡng chế thi hành án và thực hiện đăng tải thông tin của người phải thi hành án trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chính phủ quy định chi tiết về phương thức công khai thông tin, nơi công khai thông tin, trình tự cập nhật, bổ sung, sửa đổi, quản lý, khai thác, sử dụng, chấm dứt công khai thông tin của người phải thi hành án.

Hai là, bổ sung quy trình tổ chức thi hành án dân sự riêng cho người phải thi hành án là tổ chức, doanh nghiệp, đảm bảo sự chính xác, công khai, minh bạch trong các khâu: xác minh điều kiện thi hành án, công khai thông tin, tổ chức cưỡng chế thi hành án...

Ba là, sửa đổi, bổ sung Điều 175 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, quy định chi tiết trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc niêm yết công khai thông tin người phải thi hành án.

3.2 Về tổ chức thực hiện

3.2.1 Thiết lập đầy đủ cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án

a) Quan điểm chỉ đạo thiết lập cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án

Một là, đáp ứng yêu cầu về công khai, cập nhật thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức quan tâm.

Hai là, thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trong hệ thống thi hành án dân sự phù hợp với các

thông tin, báo cáo thống kê; đảm bảo sự kết nối dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác có liên quan, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo hướng hiện đại.

Ba là, ưu tiên kế thừa các nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hiện có của cơ quan quản lý thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thi hành án dân sự trong tương lai. Làm cơ sở cho việc thiết lập cơ sở dữ liệu về người phải thi hành án và thông tin về quá trình thi hành án.

b) Mục tiêu thiết lập cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án

- ***Mục tiêu tổng quát:*** Ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin trong quản lý, hình thành cơ sở dữ liệu điện tử tập trung về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành để công khai, đảm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức; bảo đảm kết nối, cung cấp thông tin cho các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Giai đoạn 2016-2017:

* Hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành để công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (biểu mẫu, cơ sở vật chất, nhân lực, phương thức công khai...);

* Xây dựng và triển khai thí điểm phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án. Dữ liệu thông tin của phần mềm này là nguồn dữ liệu có thể tích hợp từ Phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án dân sự và báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

+ Giai đoạn 2018-2020:

* Nâng cấp, phát triển phần mềm đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm và cơ sở dữ liệu liên quan sẵn sàng triển khai trên toàn quốc.

* Triển khai sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án trong hệ thống thi hành án dân sự.

* Cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin điện tử của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trong hệ thống thi hành án dân sự.

* Kết nối, chia sẻ thông tin từ Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan.

* Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực, dự báo trước những tính năng của phần mềm nhằm đáp ứng ngay yêu cầu thiết lập cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án trong trường hợp Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

c) Phạm vi triển khai thực hiện thiết lập cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án

Việc triển khai thiết lập cơ sở dữ liệu, thông tin về quá trình thi hành án được thực hiện tại Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự trên toàn quốc theo đúng phạm vi điều chỉnh của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Làm nền tảng cho việc thiết lập cơ sở dữ liệu chung về thi hành án dân sự.

3.2.2 Một số nhiệm vụ cần triển khai

a. Giai đoạn 2016 - 2017

Thứ nhất, khảo sát cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức thi hành án dân sự để phục vụ xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án.

Thứ hai, xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án.

Thứ ba, triển khai thí điểm Phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án (tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm, khai thác phần mềm) tại một số Cục Thi hành án dân sự.

Thứ tư, trang bị bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp đảm bảo triển khai phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án cho các địa phương tham gia thí điểm phục vụ hoàn thiện phần mềm.

Thứ năm, đánh giá, rút kinh nghiệm việc sử dụng Phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án cho các cơ quan thi hành án dân sự.

Thứ sáu, nâng cấp, phát triển phần mềm đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm và cơ sở dữ liệu liên quan sẵn sàng triển khai trên toàn hệ thống cơ quan thi hành án dân sự.

Thứ bảy, triển khai Phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án tại Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự trong toàn quốc.

Kết quả thực hiện: Đảm bảo đến hết 30/9/2017 phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án được cập nhật, khai thác, sử dụng trên phạm vi toàn quốc.

b. Giai đoạn 2018 - 2020

Thứ nhất, tiếp tục trang bị bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp đảm bảo triển khai phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án trên toàn quốc.

Thứ hai, tổ chức cập nhật thông tin từ cơ sở dữ liệu giấy hiện đang được lưu trữ tại các cơ quan thi hành án dân sự vào Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (số hoá, nhập dữ liệu từ các hồ sơ, sổ giấy) và cập nhật thường xuyên thông tin theo số lượng các việc thi hành án dân sự.

Kết quả thực hiện: Hình thành cơ sở dữ liệu thông tin đồng bộ, thống nhất về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Thứ ba, bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Thứ tư, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự; giữa cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành với cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

Kết quả thực hiện: đảm bảo dữ liệu thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được kết nối, tích hợp trong toàn hệ thống thi hành án dân sự và kết nối tới một số phần mềm dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

3.3 Các giải pháp thực hiện

3.3.1 Giải pháp về thể chế

Xây dựng Thông tư hướng dẫn quy trình thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành hướng dẫn chi tiết: (i) hướng dẫn đăng tải, cập nhật, bổ sung, sửa đổi, quản lý, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi

hành phù hợp Phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành; (ii) quy định cách tính Quyết định xác định việc chưa có điều kiện thi hành so với việc chưa có điều kiện thi hành; (iii) quy định nội dung thông tin định danh đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp; cách thức xác định đối tượng cần công khai thông tin; (iv) xác định rõ đầu mối theo dõi, quản lý, khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành tại Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự.

3.3.2 Giải pháp về kỹ thuật

Thứ nhất, cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cần đảm bảo được xây dựng tập trung đồng bộ, bao gồm: trung tâm dữ liệu, đường truyền kết nối giữa cơ quan quản lý thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự đảm bảo cho việc cập nhật, công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành; cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được tích hợp thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành từ các cơ quan thi hành án dân sự và được sử dụng chung.

Thứ hai, cơ sở dữ liệu thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành cần bảo đảm kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan, như: Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu đăng ký giao dịch bảo đảm... và trong tương lai có thể kết nối với 06 cơ sở dữ liệu cốt lõi, là tài nguyên thông tin cần được chú trọng phát triển để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, bao gồm: CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và đầu tư), CSDL quốc gia về Dân cư (Bộ Công an), CSDL Đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và môi trường), CSDL quốc gia về Thống kê tổng hợp về dân số (Bộ Kế hoạch và đầu tư), CSDL quốc gia về Tài chính (Bộ Tài chính), CSDL quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam).

Thứ ba, sử dụng, nâng cấp thiết bị sẵn có tại các cơ quan thi hành án dân sự; bảo đảm trang bị cho mỗi cán bộ, công chức 01 máy tính có kết nối mạng Internet có đường truyền tốc độ ổn định và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, ưu tiên sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin hiện có của Bộ Tư pháp và các đơn vị khác có khả năng về kỹ thuật, nguồn vốn để cung cấp đồng bộ đường truyền, máy tính, thiết bị quản lý và lưu trữ dữ liệu, hướng dẫn vận hành đảm bảo an toàn, bảo mật cho Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

3.3.3 Giải pháp về tổ chức, triển khai

Thứ nhất, tạo lập cơ chế chỉ đạo, điều hành mang tính thống nhất từ trung ương đến địa phương, theo đó Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan thi hành án dân sự trong việc quản lý cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và triển khai các giải pháp thực hiện.

Thứ hai, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức các cơ quan thi hành án dân sự, kể cả về chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức tin học, kỹ năng sử dụng phần mềm, quản trị mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu.

Thứ ba, bố trí đủ nhân lực thực hiện các hoạt động liên quan đến cập nhật, công khai thông tin trong Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ, từng bước hình thành cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự.

3.3.4 Giải pháp tài chính

Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho việc xây dựng thể chế và duy trì Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi

hành tại Bộ Tư pháp, đồng thời kết hợp tìm kiếm nguồn lực khác để triển khai.

Bộ Tư pháp đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác để thực hiện việc xây dựng, duy trì Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

Kết luận chương 3

Từ việc phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế của công tác công khai thông tin doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành và xác định rõ các nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan của những tồn tại, hạn chế này. Tại Chương 3, tác giả đưa ra phương hướng trước mắt hoàn thiện thể chế về thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án; phương hướng lâu dài hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự về công khai thông tin người phải thi hành án nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án đối với doanh nghiệp, minh bạch hóa quá trình tổ chức thi hành án dân sự, góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi hành án dân sự.

Sau khi xác định phương hướng, tác giả tiếp tục đưa ra các nhiệm vụ cần thực hiện để nâng cao hiệu quả công tác công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành nói chung và người phải thi hành án là doanh nghiệp nói riêng cùng với các giải pháp thực hiện.

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta đòi hỏi phải có sự đổi mới, chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tư pháp trong đó có hướng tới sự công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân và sự giám sát của họ đối với hoạt động của cơ quan nhà nước. Trên cơ sở công khai, minh bạch những hoạt động của cơ quan nhà nước thì người dân cũng có quyền tiếp cận đến những thông tin định danh của một số đối tượng cụ thể mà có thể gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của mình. Tuy nhiên, để đảm bảo không xâm phạm đến quyền được bảo vệ thông tin cá nhân thì việc công khai thông tin định danh của một số đối tượng cụ thể đều phải được pháp luật quy định.

Việc Luật Thi hành án dân sự năm 2014 lần đầu tiên đưa ra quy định về công khai thông tin người phải thi hành án dân sự ngoài việc có ý nghĩa rất lớn đối với sự minh bạch hóa công tác thi hành án dân sự, nâng cao ý thức chấp hành bản án, quyết định của người phải thi hành án... thì còn đòi hỏi phải có nghiên cứu, tổng kết, đánh giá việc triển khai công tác này trên thực tiễn để phát huy tối đa tính tích cực và giảm thiểu những hạn chế, bất cập khi thực hiện. Với đề tài của mình, tác giả rút ra một số kết luận sau:

1. Để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự đối với doanh nghiệp nói chung và công khai thông tin của doanh nghiệp phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, đòi hỏi phải làm rõ thông tin định danh của doanh nghiệp, phân biệt giữa công khai thông tin của doanh nghiệp với công khai thông tin của cá nhân. Việc nghiên cứu này không chỉ làm hoàn thiện về cơ sở lý luận mà còn nhằm cung cấp các luận cứ khoa học cho việc định hướng và xây dựng pháp luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn hiện nay cũng như thời gian tới.

2. Qua thực tiễn thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, có thể nói việc chưa bóc tách rõ đối tượng công khai thông tin, chưa có đầu mối quản lý, xử lý thông tin thống nhất, dẫn tới chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Tồn tại, hạn chế này xuất phát từ: chưa có những công cụ và giải pháp tổng thể để thiết lập, công khai, theo dõi, cập nhật và kiểm soát trực tiếp, tập trung thống nhất trên phạm vi toàn quốc; ý thức, kỹ năng và sự đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi hành án còn hạn chế; ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp phải thi hành án chưa cao; mức độ quan tâm của cá nhân, tổ chức đối với thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành còn thấp; công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc niêm yết công khai thông tin chưa đạt hiệu quả mong muốn...

3. Doanh nghiệp là một chủ thể đặc thù trong thi hành án dân sự, do vậy cần có quy định riêng về nội dung, nguyên tắc, biện pháp, thủ tục THADS đối với doanh nghiệp và xử lý các loại tài sản đặc thù của doanh nghiệp, để thi hành án. Có như vậy, thông tin về tình trạng thi hành án của doanh nghiệp mới có thể được xác định chính xác, công khai minh bạch, trường hợp phải thực hiện công khai thông tin thì cũng đáp ứng được sự chính xác, kịp thời, tránh phát sinh khiếu nại.

4. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật Thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật liên quan (đặc biệt là các quy định về công khai thông tin đối với doanh nghiệp phải thi hành án ngay từ thời điểm ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành án) là yêu cầu cấp thiết. Nâng cao hiệu quả THADS đối với doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng bởi vì loại việc này ngày càng chiếm tỷ trọng lớn về giá trị. Mặt khác, đảm bảo thi hành nghiêm chỉnh các BA, QĐ liên quan đến lĩnh vực này là công cụ đặc lực bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh ở nước ta. Không chỉ vì công tác thi hành án dân sự và

công khai thông tin người phải thi hành án đang là vấn đề bức xúc được xã hội quan tâm, mà công tác thi hành án dân sự, công khai thông tin của người phải thi hành án có ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật, ảnh hưởng đến pháp chế xã hội chủ nghĩa và quyền được bảo vệ thông tin cá nhân mà còn ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức.

Thông qua hoạt động công khai thông tin người phải thi hành án, nâng cao ý thức tự giác chấp hành bản án, quyết định của Tòa án và của cơ quan có thẩm quyền, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức được bảo vệ, công bằng xã hội được bảo đảm. Phán quyết của Tòa án nhân danh quyền lực nhà nước sẽ chỉ là quyết định trên giấy nếu không được tổ chức thi hành hoặc thi hành không đầy đủ trên thực tế. Hoạt động thi hành án kém hiệu quả sẽ làm vô hiệu hóa toàn bộ hoạt động của các cơ quan tố tụng ở giai đoạn trước, gây tổn hại đến trật tự, kỷ cương làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào tính nghiêm minh của pháp luật. Vì vậy, Thi hành án dân sự có vai trò rất lớn trong việc góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp (2016), Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016.
2. Bộ Tư pháp (2015), Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2015.
3. Bộ Tư pháp (2014), Quyết định số 3416/QĐ-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2014.
4. Bộ Tư pháp (2015), Quyết định số 1700/QĐ-BTP ngày 24 tháng 9 năm 2015.
5. Bộ Kế hoạch - Đầu tư (2015), Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015.
6. Chính phủ (2015), Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015.
7. Chính phủ (2013), Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013.
8. Chính phủ (2015), Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015.
9. Lâm Minh Đức (2009) “Pháp luật về xử lý tài sản thế chấp trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng”, Luận văn thạc sĩ luật học bảo vệ năm 2009 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đại từ điển tiếng Việt (2007), Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
11. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “Những điểm mới của Luật THADS 2008”, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2010.

12. Vũ Thị Kim Oanh (2009) “Cơ sở pháp lý để xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi nợ cho các ngân hàng thương mại” bảo vệ năm 2009 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Quốc hội (2015), Luật An toàn thông tin mạng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Quốc hội (2015), Bộ Luật Tố tụng dân sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Quốc Hội (2014), Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Quốc hội (2014), Luật Doanh nghiệp, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Quốc hội (2014), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
18. Quốc hội (2014), Luật Tổ chức tòa án nhân dân, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. Nguyễn Quang Thái; “Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt THADS ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học bảo vệ năm 2008 tại Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
20. Nguyễn Quang Thái, “Thi hành án đối với cơ quan, doanh nghiệp nhà nước”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 3/2003.
21. Trần Công Thịnh, “Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để THADS và một số khuyến nghị”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2008.
- 22.24. Nguyễn Trung Tín, “Mấy ý kiến về dự thảo Bộ luật THADS”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số tháng 4/2006.
23. Nguyễn Thanh Thủy (2008), “Hoàn thiện pháp luật THADS ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học bảo vệ năm 2008 tại Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

24. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 15/01/2015.
25. Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 1 (2002), Nxb Từ điển bách khoa Hà Nội.